

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/3/2021.

*V/v tranh chấp: Ly hôn, tranh  
chấp nuôi con chung.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Dương Thị Hữu và bà Nguyễn Thị Mừng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST-HN&GD ngày 25 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn; nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Quàng Thị H, năm sinh: 1995; địa chỉ: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Lò Văn K, năm sinh: 1992; địa chỉ: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25 tháng 01 năm 2021, bản tự khai tại Tòa án, phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Quàng Thị H trình bày:

**Về hôn nhân:** Chị Quàng Thị H và anh Lò Văn K đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 12/6/2011. Quá trình chung sống kể từ khi kết hôn hạnh phúc, cho đến khoảng 03 gần đây nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh

K không tu trí làm ăn mà đua đòi bạn bè sử dụng ma túy, khi được khuyên can anh K không nghe mà còn sử dụng bạo lực với chị H. Do không thể tiếp tục chung sống với anh K nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H 02 năm nay. Trong thời gian sống xa cách 02 năm chị H cũng đã suy nghĩ rất nhiều về mối quan hệ vợ chồng với anh K, chị thấy rằng giữa vợ chồng không thể quay về đoàn tụ vì thời gian không sống chung giữa vợ chồng cũng không có sự quan tâm, chia sẻ gì. Đến nay chị H thấy mình không còn tình cảm với anh K nên đã quyết định ly hôn với anh K. Vì vậy chị Quàng Thị H đã đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Lò Văn K.

**Về con chung:** Chị Quàng Thị H và anh Lò Văn K, có 02 con chung, cháu tên là Lò Văn H; sinh ngày 01/9/2011 và cháu Lò Gia H; sinh ngày 04/5/2015. Khi hai vợ chồng không còn chung sống thì các con đã đi theo chị H về bên ngoại cùng sinh sống với mẹ, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Do chị H có thu nhập và nhà ở ổn định đảm bảo đời sống cho các con nên không đề nghị anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H về giao nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Chị Quàng Thị H đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Lò Văn K trình bày:

**Về hôn nhân:** Anh K nhất trí như phần kết hôn chị H trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhỏ, đến khi chị H bỏ nhà đi về nhà bố mẹ đẻ ở không nói gì với anh K, thời gian không còn chung sống là từ cuối năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng cũng không quan tâm, chia sẻ đến nhau, cũng không liên lạc gì. Đến nay tôi chị Quàng Thị H xin ly hôn, anh K không đồng ý ly hôn.

**Về con chung:** Anh K thống nhất như chị H trình bày có 02 người con chung, cháu tên là Lò Văn H; sinh ngày 01/9/2011 và cháu Lò Gia H; sinh ngày 04/5/2015. Nếu ly hôn anh K cũng đồng ý giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Do thu nhập không ổn định nên thu nhập bấp bênh, nên anh K chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án giải quyết về giao nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của hai bên đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu

ly hôn của chị H, cho chị H Ly hôn với anh K; đề nghị HĐXX áp dụng điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Văn H; sinh ngày 01/9/2011 và cháu Lò Gia H; sinh ngày 04/5/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; anh K chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quảng Thị H, do chị H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Quảng Thị H với anh Lò Văn K thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, anh Lò Văn K có nơi ĐKKHKT tại bản L, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Tại phiên tòa, anh Lò Văn K vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; việc đưa ra xét xử vắng mặt anh K vẫn đảm bảo quyền lợi cho anh K phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Quảng Thị H và anh Lò Văn K đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 12/6/2011. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc; quá trình giải quyết xác định thời điểm chị H và anh K đăng ký kết hôn tại thời điểm đó sử dụng hộ khẩu cũ của gia đình đi đăng ký kết hôn, sau đó do sửa lại giấy tờ nên có sự thay đổi, xét thấy các bên đều tự nguyện đăng ký kết hôn và đã thực hiện đúng thủ tục quy định của pháp luật, nên có thể xác định hôn nhân của chị H và anh K là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng hạnh phúc những năm đầu sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị H và anh K để hai anh chị quay về đoàn tụ; nhưng không thành. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh K xin được đoàn tụ; nhưng qua trình bày của chị H và anh K thì cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị đã không có hạnh phúc, cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng đã có mâu thuẫn, thời gian hai anh chị không còn chung sống với nhau đã được một

thời gian dài, trong thời gian không chung sống với nhau giữa vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ hay liên lạc gì với nhau; điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quàng Thị Hà, cho chị Quàng Thị H ly hôn với anh Lò Văn K.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Quàng Thị H và anh Lò Văn K, cũng như nguyện vọng của cháu Lò Văn H thì thấy: Việc giao nuôi con chung cho chị H là hoàn toàn phù hợp để đảm bảo cho các con có một cuộc sống ổn định, điều này giúp các con chung có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cho chị Quàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu cả hai người con chung. Do anh K thu nhập còn bấp bênh, không đảm bảo nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của các đương sự, nên cần chấp nhận.

[3.2] Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4.2] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Quàng Thị H đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, 56, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị H được ly hôn với anh Lò Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Quàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Văn H; sinh ngày 01/9/2011 và cháu Lò Gia H; sinh ngày 04/5/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; anh Lò Văn K không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Quàng Thị H có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi

con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Chị Quàng Thị H, anh Lò Văn K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị H được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị H, anh Lò Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 03/3/2021).

***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**



***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Lương Thị Nga**